

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG

NGUYỄN NGỌC TRỌNG*

Tiền Giang (TG) là tỉnh nằm ở vị trí cửa ngõ khu vực Bắc sông Tiền, thuộc Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và thuộc Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Cùng với quá trình phát triển kinh tế, tốc độ đô thị hoá gia tăng và sự phát triển các khu công nghiệp đã tác động mạnh đến khu vực nông nghiệp, nông thôn của tỉnh. Diện tích đất canh tác nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp do chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp (xây dựng đô thị, khu công nghiệp, đường giao thông...). Tuy nhiên, tỉnh cũng đã xác định mục tiêu cần ưu tiên là tiếp tục phát triển nông nghiệp nhanh, bền vững, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Trong bối cảnh đó, nông nghiệp tỉnh cần phải nhanh chóng tìm ra các giải pháp nhằm khắc phục những mặt còn hạn chế (quy mô sản xuất nhỏ lẻ, phân tán; tỷ suất hàng hoá thấp; hàm lượng khoa học trong sản phẩm chưa cao...) để phát triển trở thành nền nông nghiệp hàng hoá theo hướng hiện đại, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống cho người nông dân, tránh tình trạng rất phổ biến hiện nay là “Nông dân chán ruộng, chán quê”.

1. Thực trạng phát triển nông nghiệp tỉnh TG giai đoạn 2000-2009

Giá trị tăng thêm toàn ngành theo giá so sánh năm 1994 trên địa bàn tỉnh năm 1996 là 2.390 tỷ đồng; tăng lên 2.862 tỷ đồng vào năm 2000; đạt 3.665 tỷ đồng năm 2005; và năm 2009 đạt 4.535 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm bình quân giai đoạn 1996-2009 là 5,0%, trong đó: giai đoạn 1996-2000 là 4,6%; giai đoạn 2001-2005 là 5,1%; giai đoạn 2006-2009 là 5,5% (Bảng 1).

Bảng 1. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp giai đoạn (2000-2009)

ĐVT: tỷ đồng (giá so sánh năm 1994)

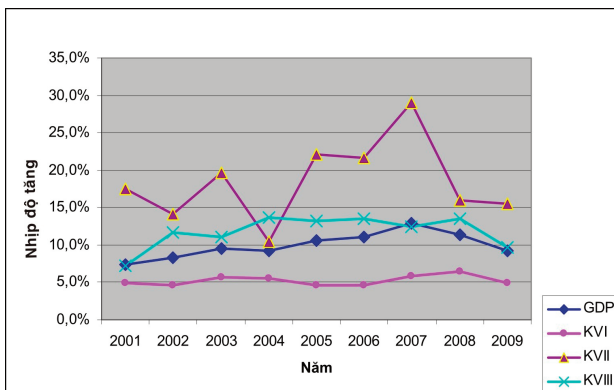
Chỉ tiêu	Năm			Nhịp độ tăng (%)		
	2000	2005	2009	2001-2005	2006-2009	2001-2009
Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp	2.862	3.665	4.535	5,1	5,5	5,3
- Trồng trọt	2.018	2.534	3.024	4,7	4,5	4,6
- Chăn nuôi	345	422	530	4,2	5,8	4,9
- Lâm nghiệp	75	73	78	-0,4	1,8	0,5
- Thủy sản	424	636	903	8,5	9,2	8,8
% so với GDP nông nghiệp ĐBSCL	10,6	10,8	11,2	113	122	116
% so với GDP nông nghiệp cả nước	3,6	3,8	3,9	132	142	137

Nguồn: Tính toán từ số liệu Cục Thống kê tỉnh TG, số liệu Tổng cục Thống kê các năm 2000-2008 và báo cáo tổng kết tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2009 của tỉnh và cả nước

*: Viện Địa lý Tài nguyên TP.HCM

Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, TG có lợi thế rất lớn để phát triển nông nghiệp và trở thành vành đai cung cấp lương thực, thực phẩm cho vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nhất là TP.HCM. Sự liên kết vùng chặt chẽ thời gian qua đã góp phần quan trọng cho việc tiêu thụ hàng hóa nông sản của tỉnh, đồng thời cũng đã cung cấp nguyên liệu đầu vào như: phân bón, máy móc, thiết bị cho sản xuất nông nghiệp.

Năm 2009, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh nói riêng và cả nước nói chung phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức hơn các năm trước; sự suy thoái ngày càng sâu của kinh tế thế giới, giá xuất khẩu giảm cùng với sự thu hẹp của thị trường xuất khẩu... nhưng tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm toàn ngành đạt vượt mục tiêu kế hoạch đề ra (tăng 4,9% so kế hoạch là 4,5%) và cao hơn mức bình quân chung của cả nước (cả nước là 1,9%). Trong bối cảnh suy thoái của kinh tế thế giới, nhiều chỉ tiêu kinh tế buộc phải điều chỉnh giảm thì tăng trưởng nông nghiệp được giữ vững đã tạo thế ổn định cho tăng trưởng chung của tỉnh. Qua đó cho thấy vai trò trụ vững và lợi thế cạnh tranh căn bản của ngành nông nghiệp và xuất khẩu nông sản của tỉnh.



Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP và 3 khu vực kinh tế TG (2001-2009)

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Thống kê tỉnh TG

Đóng góp của ngành nông nghiệp đối tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh thời gian qua tuy có xu hướng giảm nhưng vẫn giữ một vai trò quan trọng. Năm 2000, đóng góp của ngành nông nghiệp vào tăng trưởng chung của tỉnh là 38,6%, giảm xuống còn 21,2% vào năm 2005, và tăng lên 30,5% năm 2009 do tác động của suy thoái kinh tế thế giới. Đối với khu vực nông thôn, mức độ đóng góp của ngành nông nghiệp vào tăng trưởng kinh tế là khá cao, năm 2000 là 67,2%, giảm xuống 50,2% vào năm 2005, và năm 2009 tăng lên 51,8%. Do đó, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp đóng một vai trò hết sức quan trọng đối

với việc cải thiện đời sống người dân và làm thay đổi căn bản bộ mặt nông thôn của tỉnh.

Cơ cấu nông, lâm, thủy sản đã có sự chuyển biến khá tích cực theo hướng phát huy các lợi thế so sánh của tỉnh. Đặc biệt, kinh tế vườn và kinh tế thủy sản đã có những bước đột phá nhất định, làm tiền đề cho việc phát triển kinh tế công nghiệp và dịch vụ. Năm 2000, tỷ trọng giá trị sản xuất thủy sản so với toàn ngành nông nghiệp là 16,4%, tăng lên 20,5% (năm 2005) và 18,9% (năm 2009) (Bảng 2).

Bảng 2. Cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản

ĐVT: %

Năm	Tổng số	Nông nghiệp	Thủy sản	Lâm nghiệp
2000	100,0	82,1	16,4	1,5
2005	100,0	78,4	20,5	1,1
2009	100,0	80,4	18,9	0,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Thống kê tỉnh TG

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa nông nghiệp tăng lên từ 68,4 triệu USD (năm 2000) lên 330 triệu USD (năm 2008), với tốc độ tăng cả giai đoạn 2001-2008 là 21,7%/năm. Năm 2009, do suy thoái kinh tế toàn cầu nên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản giảm 2,1%, nhưng kết quả đạt được vượt mục tiêu kế hoạch đề ra.

Bảng 3. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa nông, lâm, thủy sản tỉnh TG giai đoạn (2000-2008)

ĐVT: 1.000 USD

Chỉ tiêu	2000	2005	2008	Nhịp độ tăng (%)		
				2001-2005	2006-2008	2001-2008
1. Tổng kim ngạch XK nông, lâm, thủy sản	68.430	126.207	330.000	13,0	37,8	21,7
- Hàng nông sản	51.531	78.929	86.000	8,9	2,9	6,6
- Hàng thủy sản	16.899	47.278	244.000	22,8	72,8	39,6
2. Cơ cấu (%)	100	100	100			
- Hàng nông sản	75,3	62,5	26,1			
- Hàng thủy sản	24,7	37,5	73,9			
% so tổng kim ngạch XK toàn tỉnh	73,9	75,4	77,6			

Nguồn: Tính toán từ số liệu Cục Thống kê tỉnh TG năm 2008

Bảng 4. Mặt hàng nông, lâm, thủy sản XK chính giai đoạn (2000-2008)

ĐVT: Tấn			
Mặt hàng XK	2000	2005	2008
Gạo	269.241	293.021	140.000
Tấm	14.460	7.571	5.432
Tôm đông lạnh	1.480	382	250
Nghêu đông lạnh	2.465	2.585	700

Nguồn: Tính toán từ số liệu Cục Thống kê tỉnh TG năm 2008

Bên cạnh đó, nông nghiệp tỉnh vẫn còn một số tồn tại, yếu kém như:

- Quy mô sản xuất nhỏ lẻ, phân tán dựa trên nền tảng tiểu nông... là những yếu tố gây nên những cản trở cho sự phát triển nông nghiệp tỉnh trong bối cảnh hiện nay. Hội nhập kinh tế buộc các quốc gia phải hoà vào dòng chảy chung của thời đại, sức ép cạnh tranh từ đó cũng sẽ gia tăng. Chế độ khoán sản phẩm đến hộ gia đình trong nông nghiệp đã giải quyết được quyền tự chủ kinh doanh, sản xuất của hàng chục ngàn hộ nông dân, khuyến khích và phát huy mạnh mẽ tính tích cực sản xuất của đông đảo nông dân, song nó cũng làm cho nông nghiệp trở thành nhỏ lẻ, phân tán. Do quy mô sản xuất nhỏ, thực lực kinh tế mỏng manh nên các hộ nông dân không đủ sức phòng chống rủi ro từ các biến động của thị trường. Mặt khác, sản xuất nhỏ cũng làm cho cơ cấu kinh tế nông nghiệp khó điều chỉnh; tỷ lệ cơ giới hoá và tỷ suất hàng hoá thấp.

- Ngoài ra, trình độ lao động, năng lực quản lý kinh doanh của đội ngũ quản lý doanh nghiệp ở nông thôn chưa đáp ứng được các yêu cầu phát triển nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, vẫn còn phát triển tự phát, thiếu sự liên kết trong việc hình thành các tổ chức ngành nghề hiệu quả.

Kết quả phân tích sự đóng góp của các yếu tố đầu vào gồm: vốn, lao động và năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) đối với tăng trưởng nông nghiệp giai đoạn (2001-2009) cho thấy:

Bảng 5. Đóng góp của các yếu tố đầu vào trong tăng trưởng nông nghiệp tỉnh TG giai đoạn (2001-2009)

ĐVT: %				
	2001-2005	2006-2009	2001-2009	
1. Đóng góp theo điểm phần trăm	5,1	5,5	5,3	
- Vốn	2,1	2,5	2,3	
- Lao động	2,3	2,1	2,2	
- TFP	0,7	0,9	0,8	
2. Đóng góp theo tỷ lệ phần trăm	100,0	100,0	100,0	
- Vốn	41,4	46,2	43,2	
- Lao động	44,2	37,6	40,9	
- TFP	14,4	16,2	15,9	

Nguồn: Tính toán từ số liệu Cục Thống kê tỉnh TG

Đóng góp của các yếu tố đầu vào theo chiều rộng (vốn và lao động) vẫn giữ vai trò quan trọng đối với tăng trưởng nông nghiệp (Bảng 5). Cụ thể, thời kỳ 2001-2005, vốn đóng góp 41,4%, lao động đóng góp 44,2%, TFP là 14,4%; thời kỳ 2006-2009, vốn đóng góp 46,2%, lao động là 37,6%, TFP là 16,2%. Điều đó cho thấy mức đóng góp của lao động có xu hướng giảm, thay vào đó là mức đóng góp của vốn tăng lên. Điều này phản ánh thực tế đang có sự chuyển dịch từ tăng trưởng dựa trên lao động là chính sang tăng trưởng dựa trên vốn đầu tư. Nguyên nhân là do thị trường vốn ngày càng phát triển nên việc tiếp cận vốn dễ dàng hơn; nguồn lao động trong nông nghiệp đang có xu hướng dịch chuyển sang các lĩnh vực khác của nền kinh tế, từ đó dẫn đến việc tăng cường sử dụng máy móc, thiết bị để thay thế cho việc sử dụng lao động vì lợi thế giá lao động rẻ đang mất dần lợi thế. Sự dịch chuyển này là phù hợp, tuy nhiên chất lượng tăng trưởng thì chưa được cải thiện nhiều. Cụ thể, mức đóng góp TFP trong tăng trưởng nông nghiệp ở mức thấp, tốc độ tăng bình quân hàng năm không đáng kể. Nguyên nhân chủ yếu là do chất lượng nguồn nhân lực và trình độ khoa học công nghệ còn thấp, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư không cao...

Chính hạn chế về vai trò của TFP đối với tăng trưởng là một rào cản lớn cho việc thực hiện nâng cao chất lượng tăng trưởng, ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ tiêu về năng suất, hiệu quả đầu tư, nhất là đến khả năng duy trì tăng trưởng trong dài hạn và khả năng phát huy các tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

Phát triển nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại là nhiệm vụ quan trọng đầu tiên của xây dựng nông thôn mới, nhằm thúc đẩy nông nghiệp phát triển, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho nông dân... Do đó, trong giai đoạn tới cần tập trung giải quyết tốt mâu thuẫn giữa sản xuất nhỏ với thị trường lớn; nâng cao trình độ lao động, năng lực của đội ngũ quản lý doanh nghiệp ở nông thôn, nhất là kiến thức về pháp luật, hội nhập kinh tế...

Xuất phát điểm đi lên của nông nghiệp, nông thôn tỉnh tuy đã được cải thiện rất nhiều so với những năm đầu mới giải phóng nhưng vẫn còn ở mức thấp so với các nước trong khu vực. Để thúc đẩy nông nghiệp phát triển, đòi hỏi cần phải có sự đầu tư lớn của Nhà nước và nhân dân nhằm khắc phục những bất cập trong cơ sở hạ tầng, nâng cao sức cạnh tranh cho hàng hoá nông nghiệp. Vì vậy, sự mất cân đối giữa nhu cầu và khả năng đầu tư sẽ là một thách thức không nhỏ đối với việc thúc đẩy ngành nông nghiệp tỉnh phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn tới.

Thị trường khoa học và công nghệ chưa thực sự phát triển, nguồn vốn đầu tư chủ yếu là từ nguồn ngân sách Nhà nước với tỷ lệ thấp, chiếm <0,5% tổng chi ngân sách là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất thời gian qua chưa sâu, rộng, chưa đáp ứng được yêu cầu của nền nông nghiệp hàng hóa. Thời kỳ (2001-2009), mức đóng góp của nhân tố TFP đối với tăng trưởng nông nghiệp còn ở mức thấp (15,9%) và có tốc độ tăng trưởng chậm (bình quân 8,5%/năm). Điều này chứng tỏ, chất lượng tăng trưởng không cao và chưa được cải thiện nhiều, mà trong đó nhân tố khoa học và công nghệ (bao gồm cả công nghệ quản lý) có một vai trò rất quan trọng.

Công tác triển khai, ứng dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất còn hạn hẹp, hiệu quả chưa cao. Tại địa phương chưa có mạng lưới đảm bảo chuyển giao công nghệ có chọn lọc trong sản xuất nông nghiệp, nhất là khâu cung cấp giống nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.

Cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, và đội ngũ cán bộ, chuyên viên làm công tác nghiên cứu khoa học của các ngành, các địa phương còn nhiều hạn chế từ trình độ đến năng lực chuyên môn. Nhiều lĩnh vực thiếu chuyên gia đầu ngành. Đội ngũ cán bộ trẻ, kế cận còn quá mỏng.

Cơ sở hạ tầng tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng còn nhiều khó khăn hạn chế, đặc biệt là khu vực nông thôn, chưa đáp ứng được yêu cầu của một nền nông nghiệp hàng hóa, chưa đủ sức để giúp người nông dân trong việc giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, tăng khả năng cạnh tranh.

Các thành phần kinh tế phát triển chưa đồng bộ, chưa đủ mạnh. Kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế cá thể là 3 thành phần kinh tế chủ yếu góp phần phát triển nông nghiệp tỉnh thời gian qua. Hiện 3 thành phần kinh tế này đang có một số tồn tại, khó khăn trong phát triển và mở rộng quy mô sản xuất như: vốn ít, quy mô nhỏ, tính liên kết không cao, trình độ lao động và trình độ đội ngũ quản lý còn thấp... và sẽ trở nên mỏng manh hơn trong bối cảnh hội nhập, trước sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt ngay cả trên thị trường nội địa.

Bảng 6. Cơ cấu GTSX nông nghiệp TG theo thành phần kinh tế

DVT: %

Cơ cấu thành phần kinh tế	2000	2005	2009
Kinh tế Nhà nước	2,8	1,6	0,8
Kinh tế tập thể	1,7	1,5	1,9
Kinh tế tư nhân	4,5	5,6	6,5
Kinh tế cá thể	90,2	90,6	89,9
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	0,8	0,7	0,9

Nguồn: tính toán từ số liệu Cục Thống kê tỉnh TG

Ngoài ra, nhận thức của một bộ phận cán bộ ở các cấp, các ngành, địa phương còn chưa đúng về vị trí và vai trò của nông nghiệp, nông thôn trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và cho rằng phát triển công nghiệp mới giúp cho tốc độ kinh tế nhanh và bền vững. Điều này dẫn đến diện tích đất nông nghiệp giảm vì phải nhường chỗ cho các khu, cụm công nghiệp, thậm chí ở những nơi mà lợi thế về phát triển công nghiệp thấp.

2. Một số giải pháp phát triển nông nghiệp tỉnh Tiền Giang

- Cần có sự thống nhất về nhận thức và hành động giữa các cấp, các ngành về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông thôn trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 26-NQ/TW của BCH TW, Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ và Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 9/10/2008 của Tỉnh ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; làm chuyển biến nhận thức trong cán bộ đảng viên, nhất là hệ thống chính trị ở cơ sở về chủ trương, chính sách nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Đảng và Nhà nước. Các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện nhằm tạo ra đột phá mới trong phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân và dân cư nông thôn.

- Tiếp tục khơi dậy và phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Cần sớm nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo

hướng người nông dân được tham gia góp vốn vào dự án bằng tiền đền bù hoặc giá trị quyền sử dụng đất.

- Lấy khoa học - công nghệ làm động lực chính để duy trì tốc độ tăng trưởng và tài nguyên chính trong tương lai là con người. Tận dụng cơ hội từ hội nhập kinh tế, tiếp cận và đưa nhanh những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của tỉnh, nhất là công nghệ sinh học trên các lĩnh vực giống, cây trồng, vật nuôi, thâm canh tổng hợp, quản lý dịch hại, công nghệ sau thu hoạch và bảo quản nông sản...

- Đội ngũ cán bộ quản lý điều hành và tổ chức thực hiện giữ vai trò then chốt, do đó trong giai đoạn tới cần quan tâm củng cố hệ thống bộ máy tổ chức của ngành và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực để kịp thời thu thập, xử lý, lưu trữ thông tin cần thiết phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của lãnh đạo.

- Thay đổi chính sách đất đai, tạo thuận lợi để tích tụ ruộng đất qua chuyển nhượng và thuê mướn, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế trang trại; cấm mua bán để chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp. Tiếp tục khẳng định đất đai là sở hữu toàn dân, Nhà nước thống nhất quản lý theo quy hoạch, kế hoạch để sử dụng có hiệu quả; giao đất cho hộ gia đình sử dụng lâu dài; mở rộng hạn mức sử dụng đất trồng cây hàng năm từ 3 hecta như hiện nay lên 5-10 hecta, thời hạn sử dụng 50-100 năm.

- Mâu thuẫn giữa sản xuất nhỏ và thị trường lớn bộc lộ ngày càng rõ nét, làm hạn chế sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn trong bối cảnh hội nhập kinh tế. Đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn là một yêu cầu cấp thiết để giải quyết mâu thuẫn này, nhằm thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại.

- Việc đầu tư phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn, nhất là các doanh nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, sử dụng nguyên liệu và thu hút nhiều lao động nông nghiệp tại chỗ cần được đặc biệt ưu tiên. Các doanh nghiệp này sẽ thực hiện hợp đồng sản phẩm, sơ chế nông sản cho nông dân, cung cấp nguyên liệu cho các

nhà máy lớn hoặc làm vệ tinh cho các nhà máy lớn để đưa công việc về cho cư dân nông thôn. Cư dân nông thôn gắn với doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ gắn với doanh nghiệp lớn, thị trường trong nước gắn với thị trường quốc tế, từ đó tăng dần tỷ lệ phi nông nghiệp trong thu nhập của hộ, thu hẹp dần và tiến đến cân bằng khoảng cách thu nhập giữa nông thôn, thành thị.

- Cần sớm nghiên cứu và thành lập thí điểm công ty cổ phần nông nghiệp. Đây là một loại hình hợp tác kinh tế mà ở đó các nông hộ ký kết với nhau, tập hợp ruộng đất khoán của mình lại dưới hình thức cổ phần, kinh doanh theo kiểu công ty. Mục đích của hình thức hợp tác này là nhằm khắc phục tình trạng ruộng đất bị chia nhỏ, manh mún... nhằm thực hiện kinh doanh quy mô và tập trung, làm cho ruộng đất thông qua việc thị trường hóa, thương phẩm hóa, tập trung lại với quy mô lớn hơn, đáp ứng yêu cầu nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa theo hướng hiện đại■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh TG, *Niên giám thống kê tỉnh TG từ năm 2000 đến 2009*.
2. UBND tỉnh TG, *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh TG đến năm 2020*.
3. Đảng bộ tỉnh TG, *Nghị quyết Đảng bộ tỉnh TG lần thứ VIII*.
4. Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh TG, *Đề án vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn tỉnh TG đến năm 2020*.
5. Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh TG, *Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra tình hình sản xuất nông nghiệp và thu nhập của người nông dân tỉnh TG năm 2009*.
6. Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh TG (2008), *Tài liệu Hội thảo giải pháp phát triển nông nghiệp tỉnh TG trong bối cảnh hội nhập*.